

**LUẬT
TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Tiết kiệm, chống lãng phí.

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, năng lượng; hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức chính trị, cơ quan nhà nước.
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.
- Đơn vị sự nghiệp công lập.
- Doanh nghiệp nhà nước.
- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong khu vực nhà nước.
- Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan đến công tác tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tiết kiệm* là việc quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra. Trong khu vực nhà nước, tiết kiệm là việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động

trong khu vực nhà nước, tài nguyên, năng lượng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định hoặc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng đạt kết quả cao hơn mục tiêu đã định.

2. *Lãng phí* là việc quản lý, khai thác, sử dụng tài chính công, tài sản công, tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng lao động trong khu vực nhà nước, tài nguyên, năng lượng vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc việc quản lý, sử dụng không hiệu quả, không đạt được mục tiêu đã định hoặc là việc thực hiện các hành vi gây lãng phí quy định tại Luật này tạo rào cản phát triển kinh tế - xã hội, bỏ lỡ thời cơ phát triển của đất nước.

3. *Hành vi gây lãng phí* là hành vi do các chủ thể thuộc đối tượng áp dụng của Luật này thực hiện, làm phát sinh lãng phí và được quy định cụ thể tại Điều 4 của Luật này.

4. *Khu vực nhà nước* bao gồm tổ chức chính trị; các cơ quan nhà nước; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đơn vị lực lượng vũ trang; tổ chức do Nhà nước thành lập, đầu tư cơ sở vật chất, cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động và doanh nghiệp nhà nước theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.

5. *Người đấu tranh chống lãng phí* là cá nhân thực hiện việc phản ánh, tố cáo, tố giác hành vi gây lãng phí của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ được giao liên quan đến các lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định tại Luật này.

6. *Người thân của người đấu tranh chống lãng phí* được bảo vệ gồm vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người đấu tranh chống lãng phí và các chủ thể khác mà pháp luật có quy định về việc bảo vệ (sau đây gọi là người thân).

Điều 4. Hành vi gây lãng phí

1. Hành vi gây lãng phí liên quan đến xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gây lãng phí;

b) Không ban hành hoặc chậm ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc cố ý ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại Luật này trái quy định, gây lãng phí.

2. Hành vi vi phạm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:

a) Thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo, quản lý để xảy ra lãng phí trong khu vực nhà nước thuộc phạm vi trực tiếp lãnh đạo, quản lý hoặc phân công phụ trách;

b) Chỉ đạo hoặc cho chủ trương thực hiện trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc không rõ việc, không cụ thể, không nhất quán gây lãng phí theo quy định của Luật này;

c) Bao che, dung túng, không xử lý, tổ chức, cá nhân có hành vi gây lãng phí thuộc phạm vi trực tiếp quản lý, phụ trách; chỉ đạo không chuyên xử lý hình sự hoặc không xử lý hình sự đối với hành vi gây lãng phí mà có căn cứ rõ ràng là có dấu hiệu tội phạm.

3. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính công bao gồm:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ và giao dự toán không đúng thẩm quyền, trình tự, nội dung và thời gian, không đúng đối tượng, vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định, gây lãng phí;

b) Sử dụng ngân sách nhà nước không đúng mục đích đã được phê duyệt, đối tượng, dự toán được giao; vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định. Trì hoãn việc chi ngân sách khi đã bảo đảm các điều kiện chi theo quy định của pháp luật, gây lãng phí;

c) Quyết toán chi ngân sách nhà nước không đúng, không đủ thủ tục, sai nội dung, đối tượng, vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định; duyệt quyết toán chậm, trì hoãn quyết toán sai quy định của pháp luật, gây lãng phí;

d) Quản lý, sử dụng quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và các quỹ được thành lập theo quy định của pháp luật không đúng mục đích, quy chế hoạt động và cơ chế tài chính của quỹ, gây lãng phí;

đ) Thực hiện vay trái quy định của pháp luật, vay vượt quá khả năng cân đối của ngân sách, sử dụng ngân sách nhà nước để cho vay, tạm ứng, góp vốn trái quy định của pháp luật, gây lãng phí.

4. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng tài sản công bao gồm:

a) Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, trừ dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; quyết định đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chương trình, dự án không đúng thẩm quyền, không đúng với các nội

dung về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công trong chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Thông đồng với tổ chức tư vấn, thẩm định, định giá, nhà thầu dẫn tới quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư gây thất thoát, lãng phí vốn, tài sản của Nhà nước, tài nguyên quốc gia. Yêu cầu tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư khi chưa được quyết định chủ trương đầu tư, chưa được phê duyệt, gây nợ đọng xây dựng cơ bản;

d) Đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, bán, cho thuê, cho mượn, sử dụng tài sản công, sử dụng vốn đầu tư công không đúng mục đích, đối tượng, vượt định mức, tiêu chuẩn theo quy định;

đ) Chậm giải ngân vốn đầu tư công do nguyên nhân chủ quan; không quyết toán, chậm quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công dẫn đến lãng phí;

e) Giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân vượt định mức, tiêu chuẩn không đúng đối tượng hoặc giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không có nhu cầu sử dụng. Sử dụng xe ô tô và tài sản công khác do tổ chức, cá nhân tặng cho không đúng mục đích, chế độ, vượt định mức, tiêu chuẩn;

g) Sử dụng hoặc không sử dụng tài sản công được giao gây lãng phí; sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng với mục đích sử dụng của tài sản, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao; sử dụng tài sản công để kinh doanh trái pháp luật;

h) Xử lý tài sản công trái quy định của pháp luật; hủy hoại, cố ý làm hư hỏng, chiếm đoạt, chiếm giữ, sử dụng trái phép tài sản công;

i) Không xử lý kịp thời đối với tài sản công không sử dụng được, không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng hiệu quả thấp, không đạt mục tiêu đã định;

k) Thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản công, gây lãng phí.

5. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng bao gồm:

a) Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên không đúng quy hoạch, kế hoạch, quy trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch chồng lấn các loại đất;

b) Gây ô nhiễm, hủy hoại tài nguyên, năng lượng quốc gia, gây lãng phí;

c) Giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất không đúng đối tượng, định mức, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả; chậm đưa vào sử dụng theo quyết định giao đất, hợp đồng thuê đất; không thực hiện đúng thời hạn trả lại đất theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không sử dụng hết diện tích được giao;

d) Giao đất khi chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính, trừ trường hợp không thuộc đối tượng phải thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc được miễn, được ghi nợ nghĩa vụ tài chính theo quy định. Không thực hiện đấu giá, đấu thầu theo quy định đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất phải đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, gây lãng phí. Chậm thực hiện các thủ tục theo quy định để xác định giá đất, dẫn đến chậm hoặc không thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai;

đ) Giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án chậm so với tiến độ đã được phê duyệt do nguyên nhân chủ quan; thực hiện dự án, khởi công công trình trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư không đúng quy định, gây lãng phí;

e) Quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà ở không phù hợp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở đã được phê duyệt, gây lãng phí;

g) Cấp phép, thăm dò, khai thác tài nguyên không đúng quy định, thẩm quyền, đối tượng; khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng, tài nguyên nước vượt quá khả năng tái tạo, gây cạn kiệt và suy thoái môi trường; có ý sử dụng công nghệ lạc hậu trong khai thác tài nguyên, gây lãng phí;

h) Cấp giấy phép xây dựng cho công trình xây dựng không tuân thủ định mức về sử dụng năng lượng, quy chuẩn kỹ thuật, gây lãng phí;

i) Quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu số trái quy định, gây lãng phí.

6. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP); quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp bao gồm:

a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP có sử dụng vốn nhà nước không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn nhà nước trong dự án PPP đối với dự án có yêu cầu sử dụng vốn nhà nước; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, gây lãng phí;

b) Phê duyệt dự án PPP có sử dụng vốn nhà nước khi chưa có chủ trương đầu tư; không phù hợp với chủ trương đầu tư; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định, gây lãng phí;

c) Quyết định đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không đúng thẩm quyền, phạm vi, trình tự, thủ tục quy định, gây lãng phí. Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư ra nước ngoài; đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp nhà nước không đúng mục đích, kém hiệu quả, gây lãng phí;

d) Thực hiện không đúng quyền hạn, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước trong việc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp dẫn đến lãng phí;

đ) Quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp không chặt chẽ, kém hiệu quả dẫn đến thất thoát, mất vốn chủ sở hữu nhà nước;

e) Trích lập và quản lý, sử dụng các quỹ không đúng mục đích, chế độ do cấp có thẩm quyền ban hành dẫn đến lãng phí.

7. Các hành vi gây lãng phí khác theo quy định của Chính phủ.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 5. Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí

1. Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí bao gồm:

a) Vi phạm về thời hạn ban hành, nội dung của Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí;

b) Vi phạm trong thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã ban hành;

c) Vi phạm về thời hạn, nội dung báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí;

d) Vi phạm về cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí;

đ) Vi phạm về thời hạn, nội dung và hình thức công khai về tiết kiệm, chống lãng phí;

e) Vi phạm trong việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức, đơn vị;

g) Cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

h) Cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong xác minh, xử lý, giải quyết, tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo về tiết kiệm, chống lãng phí;

i) Vi phạm trong bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân theo quy định của pháp luật;

k) Vi phạm khác trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí theo quy định của Chính phủ.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 6. Nguyên tắc tiết kiệm, chống lãng phí

1. Tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục từ chủ trương, đường lối, xây dựng và thi hành pháp luật gắn với tổng kết, đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát.

2. Việc đánh giá tiết kiệm, chống lãng phí phải dựa trên định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, kết hợp với đánh giá tổng thể về kết quả thực hiện nhiệm vụ, chất lượng đầu ra, hiệu quả sử dụng nguồn lực và tác động xã hội.

3. Tiết kiệm, chống lãng phí phải gắn với cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

4. Thực hiện phân cấp quản lý, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ được giao gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị để tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân trong việc tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Trong xử lý hành vi gây lãng phí cần phân biệt rõ giữa hành vi gây lãng phí do thiếu trách nhiệm, vi phạm pháp luật với các rủi ro khách quan trong quá trình đổi mới, thực hiện cơ chế, chính sách thí điểm, khuyến khích cán bộ năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Điều 7. Cung cấp, xử lý thông tin phát hiện lãng phí

1. Cung cấp thông tin phát hiện lãng phí:

a) Thông tin phát hiện lãng phí bao gồm tin, bài được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc ý kiến phản ánh, tố cáo, tố giác gửi đến cơ quan có thẩm quyền hoặc thông tin được cung cấp dưới hình thức khác theo quy định của pháp luật;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền cung cấp thông tin cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp nơi để xảy ra lãng phí, cơ quan thanh tra, kiểm tra, điều tra, Viện kiểm sát nhân dân để xem xét, giải quyết hoặc gửi đăng tải thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

2. Xử lý thông tin phát hiện lãng phí:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nhận được thông tin về lãng phí có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết thông tin phát hiện lãng phí theo quy định pháp luật về tố cáo, pháp luật về tiếp công dân và pháp luật có liên quan; trường hợp có lãng phí xảy ra phải ngăn chặn, khắc phục kịp thời; xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý sai phạm và công khai kết quả xử lý; giải trình trước cơ quan chức năng về việc để xảy ra lãng phí theo quy định;

b) Cơ quan thanh tra, kiểm tra, điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp khi nhận được thông tin về lãng phí có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức làm rõ theo chức năng, nhiệm vụ của mình, ngăn chặn và kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí

1. Quyền của người đấu tranh chống lãng phí:

a) Được biết về các biện pháp bảo vệ; quyền và nghĩa vụ khi được áp dụng biện pháp bảo vệ;

b) Được áp dụng các biện pháp bảo vệ kịp thời, bảo đảm an toàn; được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình và người thân theo quy định của pháp luật;

c) Được đề nghị thay đổi, bổ sung, chấm dứt việc áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ;

d) Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi cơ quan có thẩm quyền không áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc áp dụng không kịp thời gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, tinh thần của người đấu tranh chống lãng phí hoặc người thân.

2. Nghĩa vụ của người đấu tranh chống lãng phí:

a) Thực hiện đúng quy định về phản ánh, tố cáo, tố giác không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân;

b) Tuân thủ yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc bảo vệ, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực trong việc cung cấp thông tin, tài liệu đấu tranh chống lãng phí;

c) Cung cấp căn cứ (nếu có) xác định việc bị đe dọa, trù dập, trả thù hoặc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình và người thân;

d) Chấp hành kết luận giải quyết của tổ chức, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền và các quy định khác có liên quan.

3. Phạm vi bảo vệ, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ, trình tự, thủ tục và các biện pháp bảo vệ được thực hiện theo các quy định sau đây:

a) Đối với người tố cáo hành vi gây lãng phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo;

b) Đối với người tố giác tội phạm về hành vi gây lãng phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;

c) Đối với người phản ánh về hành vi gây lãng phí được áp dụng các quy định về bảo vệ như bảo vệ người tố cáo.

4. Các trường hợp người đấu tranh chống lãng phí không được bảo vệ, chấm dứt bảo vệ:

a) Người được bảo vệ có văn bản đề nghị chấm dứt, từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ, không hợp tác với cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện yêu cầu được bảo vệ hoặc không chấp hành các nghĩa vụ theo quy định;

b) Nội dung đấu tranh chống lãng phí đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận là không có căn cứ, sai sự thật;

c) Căn cứ áp dụng biện pháp bảo vệ không còn;

d) Các trường hợp không được bảo vệ, chấm dứt bảo vệ khác theo quy định của pháp luật.

5. Hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí:

a) Lợi dụng việc đấu tranh chống lãng phí để vu khống cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

b) Dùng bạo lực, gây áp lực, vu khống, cô lập, xúc phạm hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người đấu tranh chống lãng phí và người thân;

c) Xâm phạm bất hợp pháp nhà ở, chỗ ở, chiếm giữ, hủy hoại tài sản, xúc phạm nhân phẩm, danh dự hoặc có hành vi ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn cá nhân của người đấu tranh chống lãng phí và người thân;

d) Trả thù hoặc thuê, nhờ, xúi giục người khác uy hiếp tinh thần, trả thù người đấu tranh chống lãng phí và người thân;

đ) Thực hiện không đúng quy định, phân biệt đối xử, đề ra tiêu chí, điều kiện, nhận xét, đánh giá mang tính áp đặt gây bất lợi trong công tác cán bộ, khen thưởng, kỷ luật đối với người đấu tranh chống lãng phí và người thân; luân chuyển, điều động, biệt phái người đấu tranh chống lãng phí khi đang giải quyết vụ việc;

e) Gây khó khăn, cản trở khi thực hiện chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước, giải quyết các thủ tục hành chính, các dịch vụ công theo quy định của pháp luật, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghề nghiệp, việc làm, lao động, học tập hoặc thực thi nhiệm vụ của người đấu tranh chống lãng phí và người thân;

g) Ngăn chặn, hủy bỏ thông tin, tài liệu, chứng cứ về đấu tranh chống lãng phí; che giấu, không báo cáo, trì hoãn hoặc xử lý, xác minh đề nghị, yêu cầu được bảo vệ không đúng quy định; tiết lộ các thông tin cần được giữ bí mật trong quá trình bảo vệ; không kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ; không thay đổi thành viên thực hiện nhiệm vụ bảo vệ khi có căn cứ xác định thành viên đó thiếu trách nhiệm, không khách quan trong thực hiện nhiệm vụ.

Điều 9. Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí

1. Ngày 31 tháng 5 hằng năm là Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí.
2. Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức thực hiện Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 10. Xây dựng và lan tỏa văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong khu vực nhà nước có trách nhiệm xây dựng, lan tỏa văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí theo các biện pháp sau đây:

- a) Lồng ghép nội dung tiết kiệm, chống lãng phí vào nội quy, quy chế làm việc;
- b) Công khai nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật này;
- c) Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo hình thức phù hợp;
- d) Tổ chức các hoạt động hưởng ứng, triển khai phong trào về tiết kiệm, chống lãng phí phù hợp với điều kiện thực tế;
- đ) Các biện pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nhà nước có biện pháp lồng ghép nội dung giáo dục về tiết kiệm, chống lãng phí trong hệ thống giáo dục quốc dân; khuyến khích đưa nội dung tiết kiệm, chống lãng phí vào hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

3. Cơ quan báo chí có trách nhiệm kịp thời phản ánh, tuyên truyền chủ trương, chính sách pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí; nêu gương người tốt, việc tốt trong tiết kiệm, chống lãng phí; phát hiện, đấu tranh hành vi gây lãng phí, hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí theo quy định pháp luật về báo chí.

4. Tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân được khuyến khích thực hiện các quy định tại Luật này để xây dựng, lan tỏa văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 11. Hợp tác quốc tế về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện hợp tác quốc tế về tiết kiệm, chống lãng phí. Việc hợp tác quốc tế về tiết kiệm, chống lãng phí phải bảo đảm những nguyên tắc sau đây:

- a) Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, cùng có lợi;
- b) Tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan về tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Nội dung hợp tác quốc tế chủ yếu trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:

a) Nghiên cứu, xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí;

b) Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Bộ, ngành có liên quan thực hiện hợp tác quốc tế về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

Chương II

TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG KHU VỰC NHÀ NƯỚC

Mục 1

CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ PHÒNG, CHỐNG LÃNG PHÍ VÀ CHƯƠNG TRÌNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 12. Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí

1. Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí do Thủ tướng Chính phủ ban hành nhằm định hướng và triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tổng thể về phòng, chống lãng phí theo từng giai đoạn với tầm nhìn 10 năm.

2. Nội dung chủ yếu của Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí bao gồm:

a) Quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nguyên tắc thực hiện;

b) Nhiệm vụ, giải pháp theo các lĩnh vực về phòng, chống lãng phí;

c) Lộ trình thực hiện theo từng giai đoạn cụ thể;

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống lãng phí.

3. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

Điều 13. Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí

1. Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí được xây dựng hằng năm, bao gồm:

a) Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ, cơ quan khác ở trung ương);

b) Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm của tỉnh, thành phố;

c) Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương.

2. Nội dung chủ yếu của Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:
 - a) Các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm;
 - b) Mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí gắn với các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm;
 - c) Biện pháp, giải pháp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí;
 - d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.
3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2

CÔNG KHAI VỀ TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 14. Nội dung công khai về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Nội dung công khai về tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:
 - a) Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí;
 - b) Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; Báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí;
 - c) Kết quả xử lý hành vi gây lãng phí;
 - d) Nội dung thông tin trong các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này phải công khai theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và pháp luật có liên quan.
2. Nội dung công khai kết quả xử lý hành vi gây lãng phí quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải có đủ các thông tin về tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi gây lãng phí, biện pháp đã xử lý đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi gây lãng phí, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 15. Hình thức công khai về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí được công khai theo hình thức đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ.
2. Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả xử lý hành vi gây lãng phí phải thực hiện công khai theo một trong các hình thức sau:
 - a) Đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp;
 - b) Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Ngoài các hình thức công khai bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp được lựa chọn các hình thức công khai khác theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 16. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí là tập hợp các dữ liệu, thông tin, chỉ tiêu, số liệu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến công tác tiết kiệm, chống lãng phí do Chính phủ thống nhất quản lý để phục vụ công tác quản lý nhà nước, theo dõi, báo cáo tình hình tiết kiệm, chống lãng phí trên phạm vi cả nước.

2. Chính phủ quy định chi tiết việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.

Mục 3

KIỂM TRA, THANH TRA, KIỂM TOÁN, GIÁM SÁT VỀ TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 17. Kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, bao gồm các hoạt động sau:

- a) Tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- b) Kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp dưới và cá nhân có liên quan;
- c) Kiểm tra của cơ quan nhà nước theo từng lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Nội dung kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:

- a) Tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí;
- b) Việc ban hành, thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định tại Điều 13 của Luật này;
- c) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí;
- d) Việc công khai về tiết kiệm, chống lãng phí;
- đ) Tình hình thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong từng lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

e) Việc cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí;

g) Tình hình thực hiện các quy định về tiết kiệm, chống lãng phí khác.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí

Thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện thông qua hoạt động xem xét, đánh giá, kết luận, kiến nghị xử lý của cơ quan thanh tra đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo trình tự, thủ tục do pháp luật về thanh tra quy định.

Điều 19. Kiểm toán tiết kiệm, chống lãng phí

Kiểm toán tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động đối với các đối tượng kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước.

Điều 20. Giám sát tiết kiệm, chống lãng phí

1. Công dân có quyền giám sát việc tiết kiệm, chống lãng phí thông qua các hình thức quy định tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm kịp thời phát hiện, phản ánh, tố giác, tố cáo cho tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về các hành vi gây lãng phí, hành vi vi phạm trong công tác tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí.

2. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát việc thi hành pháp luật tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thi hành pháp luật tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng giám sát việc tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

Chương III

TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ TIÊU DÙNG CỦA DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Điều 21. Khuyến khích tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng

1. Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh:

a) Đầu tư nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, sáng kiến, cải tiến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số;

b) Tối ưu hoá quy trình sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm bớt hao phí trong sản xuất, kinh doanh;

c) Sử dụng các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo;

d) Áp dụng các biện pháp, giải pháp khác mang lại hiệu quả tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Khuyến khích Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, các hoạt động lễ hội, văn hóa, thể thao, du lịch và các hoạt động tiêu dùng khác.

Điều 22. Trách nhiệm thực hiện các quy định về khuyến khích tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng

1. Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tiết kiệm, chống lãng phí căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí trong từng lĩnh vực, từng hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trong từng thời kỳ.

2. Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể chính sách khuyến khích toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí trong việc cưới, việc tang.

3. Các Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện rà soát, đề xuất, sửa đổi, bổ sung các quy định để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, theo thẩm quyền quyết định quy mô lễ hội và các hoạt động văn hóa khác trên địa bàn; quy định về chính sách khuyến khích tiết kiệm, chống lãng phí trong việc cưới, việc tang; tổ chức triển khai phong trào tiết kiệm, chống lãng phí trong Nhân dân; quy định các hình thức biểu dương, khen thưởng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện tốt quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng để tổ chức lễ hội và các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch khác phải bảo đảm thực hiện tiết kiệm, đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, lành mạnh.

Chương IV

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG TIẾT KIỆM, CHỐNG LẮNG PHÍ

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

1. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí theo thẩm quyền.

2. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội giám sát việc thi hành pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật này.

3. Quốc hội xem xét báo cáo của Chính phủ về kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí của năm trước tại kỳ họp giữa năm.

Điều 24. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Thống nhất quản lý nhà nước về công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi cả nước.

2. Quy định chế độ báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí; tổng hợp, trình Quốc hội xem xét báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí của năm trước tại kỳ họp giữa năm.

3. Thực hiện các trách nhiệm khác về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ.

Điều 25. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ

1. Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và thực hiện Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí và các quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi cả nước.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan tham mưu giúp Thủ tướng Chính phủ xây dựng, triển khai, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; theo dõi, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí hằng năm; đề xuất sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

3. Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này.

4. Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi cả nước trình Chính phủ.

5. Thực hiện kiểm tra việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi cả nước.

6. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

7. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 27 của Luật này và pháp luật khác có liên quan.

Điều 27. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan khác ở trung ương

1. Xây dựng và ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.
2. Xây dựng và thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm.
3. Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.
4. Thường xuyên rà soát định mức, tiêu chuẩn, chế độ thuộc thẩm quyền quản lý, kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành phù hợp với tình hình thực tiễn, tiến bộ khoa học và công nghệ, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí.
5. Tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Chính phủ.
6. Thực hiện kiểm tra về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý và đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.
7. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.
8. Thực hiện công khai về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Điều 28. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp

1. Ban hành theo thẩm quyền các chính sách, biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi địa phương.
2. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thi hành pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Luật này.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Xây dựng và ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.
2. Xây dựng và thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm.
3. Tổ chức thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi địa phương; báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Chính phủ.

4. Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương.

5. Thực hiện công khai về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

6. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương.

Điều 30. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí, việc xử lý hành vi gây lãng phí theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí và tham gia phong trào toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hướng dẫn Ban thanh tra nhân dân cấp xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức hoạt động giám sát tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Hằng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng và tổ chức thực hiện giám sát và phản biện xã hội trong việc tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm của cơ quan thanh tra

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cơ quan thanh tra có trách nhiệm thực hiện thanh tra, kịp thời phát hiện hạn chế, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền có giải pháp, biện pháp khắc phục.

2. Thực hiện công khai các kết luận thanh tra về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Luật Thanh tra, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Xử lý hoặc kịp thời chuyển hồ sơ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 32. Trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm thực hiện kiểm toán nhằm phòng ngừa, phát hiện và kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Thực hiện công khai các kết quả kiểm toán liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 33. Trách nhiệm của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân

1. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân khi nhận được tố giác, tin báo của cá nhân, cơ quan, tổ chức, kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước về vụ việc lãng phí có dấu hiệu tội phạm phải thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân có trách nhiệm phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 34. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chỉ đạo xây dựng, ban hành và thực hiện chương trình, kế hoạch tiết kiệm, chống lãng phí, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong phạm vi cơ quan, tổ chức và lĩnh vực được giao quản lý; xây dựng các giải pháp nhằm đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí.

2. Chỉ đạo xây dựng, ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo thẩm quyền được giao.

3. Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo, công khai về tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách đúng thời hạn, đầy đủ nội dung theo quy định.

4. Bảo đảm việc thực hiện quyền giám sát tiết kiệm, chống lãng phí của công dân, cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 20 của Luật này. Khi nhận được thông tin phát hiện lãng phí, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chỉ đạo việc xử lý theo quy định.

5. Tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động thanh tra nhân dân; tổ chức hoạt động kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền; xử lý hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật đối với người trong cơ quan, tổ chức mình có hành vi gây lãng phí; chịu trách nhiệm giải trình, công khai việc xử lý hành vi gây lãng phí trong cơ quan, tổ chức và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Kịp thời biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị biểu dương, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định.

7. Bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định.

Điều 35. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

1. Thực hiện chương trình, kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao.
2. Quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công được giao đúng mục đích, định mức, tiêu chuẩn, chế độ; chịu trách nhiệm cá nhân về việc để xảy ra lãng phí thuộc phạm vi quản lý, sử dụng.
3. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí theo đúng nội quy, quy chế làm việc mà cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý đã ban hành.
4. Tham gia hoạt động thanh tra nhân dân, tham gia giám sát, đề xuất các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức và trong lĩnh vực công tác được phân công; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi gây lãng phí trong phạm vi chức trách nhiệm vụ được giao hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.
5. Cho ý kiến đối với các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khi được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lấy ý kiến.
6. Đề xuất đổi mới, sáng tạo trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật.
7. Giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý trực tiếp, cơ quan cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước.

Chương V KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 36. Khen thưởng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có giải pháp, sáng kiến trong tiết kiệm, chống lãng phí mang lại kết quả cụ thể hoặc hoàn thành vượt mức mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao hoặc cung cấp thông tin phát hiện lãng phí đúng sự thật thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 37. Xử lý hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc xử lý hành vi gây lãng phí thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra hành vi gây lãng phí ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, lĩnh vực thuộc thẩm quyền được giao quản lý, phụ trách thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có hành vi gây lãng phí, hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm theo quy định của Đảng, quy định của pháp luật và của cấp có thẩm quyền trong một số trường hợp:

- a) Cán bộ năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo quy định của pháp luật;
- b) Chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật;
- c) Hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo quy định của pháp luật;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng hình thức kỷ luật, miễn trừ, giảm nhẹ trách nhiệm xử lý kỷ luật và việc bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 38. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Việc xây dựng, ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Luật này.

a) Trước ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 được Quốc hội thông qua; Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; dự kiến nhiệm vụ trọng tâm thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý để ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026;

b) Trước ngày 31 tháng 12 năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ Chiến lược quốc gia về phòng chống lãng phí; Kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua và thực tế của địa phương để ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026;

c) Căn cứ yêu cầu của công tác tiết kiệm, chống lãng phí, Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương quyết định việc ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

3. Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật này được thực hiện từ năm 2026. Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ đề và kế hoạch tổ chức thực hiện Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026.

4. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 35/2018/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Trần Thanh Mẫn